

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2026/DS-PT

Ngày 07-01-2026

V/v Tranh chấp hợp đồng
chuyển nhượng quyền sử dụng
đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Vũ.

Các Thẩm phán: Bà Phan Thị Minh Tâm và ông Đào Chí Keo.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Nguyên Huân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (cơ sở B, đường T, phường L, tỉnh An Giang) xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2025/TLPT-DS ngày 30 tháng 6 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 128/2025/DS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 – An Giang), bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 159/2025/QĐ-PT ngày 30 tháng 6 năm 2025; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị T, sinh năm 1980; địa chỉ: Số C T, khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là: Số C T, khóm B, phường L, tỉnh An Giang).

Người đại theo theo ủy quyền của bà Võ Thị T: Ông Nguyễn Thành T1, sinh năm: 1983; nơi cư trú: Số C, đường N, khóm A, phường L, tỉnh An Giang, (theo văn bản ủy quyền ngày 14/7/2025), (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Trương Đức H, sinh năm 1974 (vắng mặt);
2. Bà Phạm Thị Ngọc H1, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số A, khóm M, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là: Số A, khóm M, phường L, tỉnh An Giang).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên. Địa chỉ: Số H đường N, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là: Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 9 – An Giang; địa chỉ: Số H đường N, khóm Đ, phường L, tỉnh An Giang) (vắng mặt).

2. Ngân hàng thương mại cổ phần V2. Trụ sở: Số H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội; Địa chỉ: Tầng A, số I đường C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng thương mại cổ phần V2 là: Ông Ngô Chí D, Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Chí D theo văn bản ủy quyền số: 50/2025/UQN-CTQT ngày 07/11/2025 của Chủ tịch Hội đồng quản trị: Ông Nguyễn Thế A, chức vụ: Trưởng phòng Xử lý nợ Pháp lý khách hàng doanh nghiệp 3.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thế A theo văn bản ủy quyền số: 3190/2025/UQN- TP ngày 28/11/2025:

- Ông Đinh Quốc V – Trưởng bộ phận xử lý nợ V3 (vắng mặt);
- Ông Nguyễn Tuấn V1 – Chuyên viên xử lý nợ V3 (vắng mặt);
- Ông Triệu Hoài T2 – Chuyên viên xử lý nợ V3 (có mặt);
- Ông Nguyễn Thành T3 - Chuyên viên xử lý nợ V3 (có mặt).

Địa chỉ: Tầng A, Số I C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Ngân hàng thương mại cổ phần V2, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thành T1 (gọi tắt là ông T1) trình bày:

Ngày 30/01/2019, bà Võ Thị T (gọi tắt là bà T) có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 88,9m², thửa số 446, tờ bản đồ số 47, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01630 do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp ngày 22/4/2011 cho ông Trương Đức H, bà Phạm Thị Ngọc H1 đứng tên, giá chuyển nhượng là 500.000.000 đồng, bà T đã trả đủ tiền, có ký biên nhận, đã nhận đất và bà T đang giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Tại thời điểm chuyển nhượng do thửa đất nằm trong khu dân cư quy hoạch trái phép nên Nhà nước không cho làm thủ tục sang tên. Để đảm bảo thực hiện việc chuyển nhượng thì bà T với ông Trương Đức H, bà Phạm Thị Ngọc H1 lập hợp đồng mua bán bằng văn bản và ký hợp đồng ủy quyền ngày 30/01/2029 tại Văn phòng C với nội dung ông Trương Đức H, bà Phạm Thị Ngọc H1 ủy quyền cho bà T được toàn quyền định đoạt quyền sử dụng đất trên.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 30/01/2019 giữa ông Trương Đức H, bà Phạm Thị Ngọc H1 với bà Võ Thị T, đối với diện tích đất 88,9m², thửa số 446, tờ bản đồ số 47, đất ở đô thị, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01630 do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp ngày 22/4/2011 cho ông Trương Đức H, bà Phạm Thị Ngọc H1.

**Bị đơn:* Ông Trương Đức H (gọi tắt là ông H) , bà Phạm Thị Ngọc H1 (bà H1) vắng mặt không lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên xin vắng mặt và gửi Công văn số 160/CV-CCTHADS ngày 10/12/2024 với nội dung:

Căn cứ Bản án số 25/2021/KDTM-ST, ngày 18/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án là Ngân hàng TMCP V2.

Căn cứ Công văn số 106/CNLX-ĐK, ngày 20/4/2022 của Văn phòng Đ –

chi nhánh A1 cung cấp thông tin thì ông Trương Đức H, bà Phạm Thị Ngọc H1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01630, diện tích 88,9m², thửa số 446, tờ bản đồ số 47, đất ở đô thị, tọa lạc tại phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Ngân hàng TMCP V2 yêu cầu Cơ quan Thi hành án xử lý tài sản chung của ông H, bà H1 để thi hành án.

Ngày 26/7/2022 Chấp hành viên đã kê biên quyền sử dụng đất nêu trên để đảm bảo thi hành án.

Ngày 08/12/2022 Cơ quan Thi hành án đã ban hành Thông báo số 27/TB-CCTHADS, hướng dẫn bà T được quyền tranh chấp tài sản theo Hợp đồng ủy quyền ngày 30/01/2019. Tuy nhiên, bà T không tranh chấp và đồng ý Cơ quan Thi hành án kê biên, xử lý 50% giá trị quyền sử dụng đất của ông Trương Đức H để thi hành án cho Ngân hàng TMCP V2. 50% còn lại thì bà T và bà H1 tự thỏa thuận.

Căn cứ sự thỏa thuận, tự nguyện thi hành án của các bên, Chấp hành viên tiếp tục thẩm định giá, bán đấu giá tài sản để thi hành án.

Đến nay đã tạm hoãn thi hành án do có Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án.

Chấp hành viên đã thực hiện đúng trình tự thủ tục thi hành án, mọi thông tin, quyết định và hướng dẫn cho các đương sự có liên quan thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định. Quá trình giải quyết vụ án đề nghị Tòa án xem xét các chi phí phát sinh trong quá trình thi hành án gồm chi phí cầm mốc ranh đất, chi phí cưỡng chế, thẩm định giá, bán đấu giá.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng TMCP V2 (gọi tắt là Ngân hàng) vắng mặt, không gửi văn bản trình bày ý kiến.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 128/2025/DS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị T đối với bị đơn Trương Đức H, bà Phạm Thị Ngọc H1.

- Công nhận hiệu lực của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Võ Thị T với ông Trương Đức H, bà Phạm Thị Ngọc H1 lập ngày 30/01/2019.

- Bà Võ Thị T được quyền quản lý, sử dụng diện tích 88,9m², thửa số 446, tờ bản đồ số 47, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01630 do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp ngày 22/4/2011 cho ông Trương Đức H, bà Phạm Thị Ngọc H1.

- Bà Võ Thị T có trách nhiệm liên hệ với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 88,9m², thửa số 446, tờ bản đồ số 47, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01630 do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp ngày 22/4/2011 cho ông Trương Đức H, bà Phạm Thị Ngọc H1, tại các điểm 1, 2, 3, 4 của Bản trích đo hiện trạng do Công ty TNHH M lập ngày 09/12/2024 (kèm theo bản trích đo hiện trạng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 22/5/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP V2 kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Ngân hàng TMCP V2 trình bày: Yêu cầu Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận kháng cáo, cấp sơ thẩm công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà T với ông H, bà H1 là không có cơ sở, đây là hợp đồng vô hiệu, với lý do là hợp đồng đã vi phạm về mặt hình thức, đối tượng của hợp đồng không thực hiện được vào thời điểm xác lập giữa các bên.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà T là ông Nguyễn Thành T1 trình bày: Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng TMCP V2, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà T với ông H, bà H1 đã thanh toán xong, đã giao đất. Căn cứ theo án lệ số 55 thì hợp đồng nhượng quyền sử dụng đất giữa bà T với ông H, bà H1 có hiệu lực pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Hợp đồng nhượng quyền sử dụng đất giữa bà T với ông H, bà H1 là có đối tượng không thực hiện được vào thời điểm xác lập hợp đồng. Quá trình thi hành án thì bà T, ông H, bà H1 không có yêu cầu công nhận đối với hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ này, do đó kháng cáo của Ngân hàng TMCP V2 là có cơ sở. Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 128/2025/DS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 – An Giang), không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà T với ông H, bà H1 vô hiệu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục kháng cáo: Các đương sự nộp đơn kháng cáo trong thời hạn pháp luật quy định và hợp lệ. Do đó, cấp phúc thẩm giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 285 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Tòa án đã triệu tập đương sự hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bị đơn ông Trương Đức H, bà Phạm Thị Ngọc H1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 30/01/20219 giữa bà T với ông H, bà H1 thì thấy rằng: Hợp đồng được lập bằng văn bản tuy nhiên không có công chứng, chứng thực nên không đảm bảo về mặt hình thức hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 167 Luật Đất đai 2013 vào thời điểm xác lập. Tại thời điểm chuyển nhượng quyền sử dụng đất, theo lời trình bày của bà T thì phần đất này đang bị Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tạm thời không cho thực hiện các giao dịch liên quan, nên bà T, ông H, bà H1 mới lập hợp đồng ủy quyền vào ngày 30/01/2019 từ ông H, bà H1 cho bà T toàn quyền định đoạt đối với quyền sử dụng đất này.

[2.2] Như vậy, bà T biết rõ vào thời điểm xác lập hợp đồng thì quyền sử dụng đất này không đủ điều kiện để thực hiện chuyển nhượng nhưng vẫn thực hiện, tức là bà T tự đặt mình vào tình huống có rủi ro pháp lý là không được công nhận hiệu lực đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất này, do không đủ điều kiện để chuyển nhượng do vi phạm điều cấm dẫn đến hợp đồng vô hiệu nhưng bà T vẫn chấp nhận giao kết và thực hiện hợp đồng.

[2.3] Theo trình bày của bà T sau khi đất được Cơ quan có thẩm quyền cho phép chuyển nhượng thì bà có yêu cầu phía ông H, bà H1 để ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có công chứng để thực hiện việc sang tên, thì ông H và bà H1 không ký tên để thực hiện việc sang tên cho bà T. Như vậy, người chuyển nhượng đã không thể hiện ý chí tiếp tục chuyển nhượng đối với quyền sử dụng đất này. Sau khi quyền sử dụng đất này bị Cơ quan thi hành án thực hiện cưỡng chế kê biên để thực hiện nghĩa vụ của ông H thì bà T (với tư cách là người đại diện theo ủy quyền bà H1 trong việc xử lý tài sản này), ông H, bà H1 đều thống nhất việc phát mãi tài sản để thi hành án thực hiện nghĩa vụ cho phía ông H; bà T cũng không có ý kiến trình bày là đất này đã chuyển nhượng cho bà T. Quá trình Cơ quan thi hành án thực hiện cưỡng chế kê biên thì đã thực hiện các dịch vụ thuê định vị lại mốc ranh thì bà T, ông H, bà H1 không có ý kiến gì về việc thực hiện này và Cơ quan thi hành án đã tiến hành bán đấu giá tài sản thì bên phía bà T, ông H, bà H1 thì cũng không có ý kiến gì về việc bán đấu giá tài sản.

[2.4] Do đó, không đủ điều kiện để công nhận hiệu lực hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất này theo yêu cầu của bà T.

[2.5] Cấp sơ cấp chỉ căn cứ vào lời trình bày của bà T cho rằng đã chuyển nhượng, đã trả toàn bộ số tiền là đã thực hiện trên 2/3 nghĩa vụ để công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất này là chưa đủ căn cứ vì lúc này đã có Cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê biên tài sản này để thực hiện nghĩa vụ cho quyền lợi của người thứ ba là Ngân hàng TMCP V2. Việc Tòa án cấp sơ thẩm, cũng như đại diện ủy quyền cho bà T trình bày là trong trường hợp này phải áp dụng án lệ số 55 để công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thì ý kiến này là không phù hợp bởi vì tình huống của án lệ số 55 là “*việc công nhận hiệu lực của hợp đồng được xác lập khi Bộ luật Dân sự năm 2015 chưa có hiệu lực nhưng đã thực hiện được 2/3 nghĩa vụ và hợp đồng kéo dài đến sau khi Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực và tình huống án lệ là tranh chấp*

giữa các bên tham gia trong hợp đồng và không ảnh hưởng đến quyền lợi của người thứ ba..”. Do đó, không thể áp dụng tình huống án lệ số 55 trong trường hợp này để công nhận hợp đồng chuyển nhượng chuyển nhượng quyền sử dụng đất này.

[2.6] Do đó, HĐXX phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng TMCP V2 để tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà T với ông H, bà H1 vô hiệu. Bà T không yêu cầu giải quyết hậu quả của việc hợp đồng vô hiệu nên HĐXX không xem xét giải quyết, bà T có thể yêu cầu giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu bằng vụ kiện khác.

[3] Về án phí dân sự:

[3.1] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Võ Thị T phải chịu án dân sự sơ thẩm là 300.000đ.
- Ông Trương Đức H, bà Phạm Thị Ngọc Hiếu H1 không phải chịu án phí sơ thẩm.

[3.2] Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá là 8.818.000đ, bà T tự nguyện chịu và bà T đã nộp đủ.

[3.3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng TMCP V2 nên Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng TMCP V2.
2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 128/2025/DS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 – An Giang) cụ thể như sau:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T về việc công nhận hiệu lực của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được xác lập bằng giấy tay ký ngày 30/01/2019 giữa bà Võ Thị T với ông Trương Đức H, bà Phạm Thị Ngọc H1 đối với diện tích 88,9m², thửa số 446, tờ bản đồ số 47, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01630 do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp ngày 22/4/2011 cho ông Trương Đức H, bà Phạm Thị Ngọc H1.

- Tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được xác lập bằng giấy tay ký ngày 30/01/2019 giữa bà Võ Thị T với ông Trương Đức H, bà Phạm Thị Ngọc H1 đối với diện tích 88,9m², thửa số 446, tờ bản đồ số 47, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01630 do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp ngày 22/4/2011 cho ông Trương Đức H, bà Phạm Thị Ngọc H1.

- Bà Võ Thị T có quyền yêu cầu giải quyết hậu quả của việc hợp đồng vô hiệu bằng vụ kiện khác.

3. Chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá là 8.818.000đ (tám triệu tám trăm mười tám nghìn đồng), bà Võ Thị T phải chịu và bà T đã nộp đủ.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Võ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai thu số 0001601 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên (nay là: Phòng thi hành án Dân sự khu vực 9 – An Giang), bà không phải nộp thêm.

+ Ông Trương Đức H, bà Phạm Thị Minh H2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Ngân hàng TMCP V2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ngân hàng TMCP V2 được nhận lại 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số: 0002976 ngày 26/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên (nay là Phòng thi hành án Dân sự khu vực 9 – An Giang).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a

và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối

cao;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh An Giang;
- Phòng GDKT, Thanh tra và THA tỉnh;
- TAND khu vực 9 – An Giang;
- Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 9
 - An Giang;
- Tòa Dân sự;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Trần Hoàng Vũ